

NỘI DUNG ÔN TẬP BÀI LIÊN BANG NGA (TIẾT 1)

TỰ NHIÊN-DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

I. TỰ NHIÊN:

1. Vị trí địa lí và lãnh thổ

- Diện tích: 17,1 triệu km², lớn nhất thế giới.
- Lãnh thổ rộng lớn trải dài ở phần Đông Âu và Bắc Á.
- Đường biên giới dài xấp xỉ đường Xích đạo
- Đường biên dài
- ➡ Giao lưu thuận tiện với nhiều nước, thiên nhiên đa dạng, giàu tài nguyên
- ➡ Phát triển kinh tế – xã hội về nhiều mặt.

2. Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:

a. Địa hình:

Dòng sông Ê – nit – xây chia LB Nga thành hai phần:

*** Phía Tây:**

- Chủ yếu là đồng bằng: gồm đồng bằng Đông Âu cao, màu mỡ; đồng bằng Tây Xi-bia nhiều đầm lầy, dầu mỏ và khí đốt.
- Dãy Uran giàu khoáng sản: than, dầu mỏ, quặng sắt,...

*** Phần phía Đông:**

- Chủ yếu là núi và cao nguyên, giàu khoáng sản, lâm sản,...

b. Khoáng sản:

Giàu khoáng sản: than đá, dầu mỏ, khí đốt, vàng, kim cương, kẽm, vonfram,...

c. Rừng: Có diện tích rừng Tai-ga đứng đầu thế giới

d. Sông hồ:

- Sông Vônga: biểu tượng của nước Nga
- Ngoài ra, còn có sông Obi, sông Enitxây và sông Lêna
- Hồ: hồ Baikan sâu nhất thế giới

e. Khí hậu: ôn đới lục địa chiếm phần lớn lãnh thổ, phía Bắc khí hậu hàn đới, phần phía Nam có khí hậu cận nhiệt.

Những thuận lợi và khó khăn:

* Thuận lợi: phát triển kinh tế đa ngành.

* Khó khăn:

- Nhiều vùng khí hậu giá lạnh, khô hạn.
- Khoáng sản phân bố những nơi khó khăn, khó khai thác.

II. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI:

1. Dân cư:

- Dân số đông: 143 triệu người (2005), đứng thứ 8 thế giới.
- Dân số ngày càng giảm do tỉ suất sinh giảm, nhiều người ra nước ngoài sinh sống nên thiếu lao động.
- Dân cư phân bố không đều: tập trung ở phía Tây, 70% dân cư sống ở các thành phố.

2. Xã hội:

- Nhiều công trình kiến trúc, tác phẩm nghệ thuật, nhiều công trình khoa học lớn có giá trị.
- Đội ngũ khoa học, kỹ sư, kỹ thuật viên lành nghề đông đảo, nhiều chuyên gia giỏi.
- Trình độ học vấn cao

➡ Lợi ích cho LB Nga tiếp thu khoa học kỹ thuật thế giới và thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Là quốc gia rộng lớn nhất thế giới, lãnh thổ nước Nga bao gồm

- A. toàn bộ đồng bằng Đông Âu.
- B. toàn bộ phần Bắc Á.
- C. phần lớn đồng Bằng Đông Âu và toàn bộ phần Bắc Á.
- D. toàn bộ phần Bắc Á và một phần Trung Á.

Câu 2. LBN có đường bờ biển dài, tiếp giáp với hai đại dương lớn là

- A. Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương.
- B. Bắc Băng Dương và Đại Tây Dương.
- C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
- D. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.

Câu 3. Từ Đông sang Tây lãnh thổ nước Nga trải trên

- A. 8 múi giờ.

B.9 múi giờ.

C.10 múi giờ.

D.11 múi giờ.

Câu 4. Đứng đầu thế giới về các ngành khoa học cơ bản là

A. Hoa Kỳ.

B. Liên bang Nga.

C. Pháp.

D. Nhật.

Câu 5. Về mặt tự nhiên, ranh giới phân chia địa hình lãnh thổ nước Nga thành hai phần phía Đông và Tây là

A. dãy núi Uran.

B. sông Ênitxây

C. sông Ôbi

D. sông Lêna.

Câu 6. Một trong những đặc điểm cơ bản của địa hình nước Nga là

A. cao ở phía Bắc, thấp về phía Nam.

B. cao ở phía Nam, thấp về phía Bắc.

C. cao ở phía Đông, thấp về phía Tây.

D. cao ở phía Tây, thấp về phía Đông.

Câu 7. Nơi tập trung nhiều khoáng sản, đặc biệt là dầu mỏ và khí tự nhiên của nước Nga là

A. đồng bằng Đông Âu.

B. đồng bằng Tây Xibia.

C. cao nguyên Trung Xibia.

D. dãy núi Uran.

Câu 8. Trong các khoáng sản sau đây, loại khoáng sản mà LBN có trữ lượng đứng thứ ba thế giới là

A. than đá.

B. dầu mỏ.

C. khí tự nhiên.

D. quặng sắt.

Câu 9. Về trữ lượng, các loại khoáng sản mà LBN đứng đầu thế giới là

A. than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên.

B. dầu mỏ, khí tự nhiên, quặng sắt.

C. khí tự nhiên, quặng sắt, quặng kali.

D. than đá, quặng sắt, quặng kali.

Câu 10. Trong các khoáng sản sau đây, loại khoáng sản mà LBN có trữ lượng đứng thứ 7 thế giới là

A. than đá.

B. dầu mỏ.

C. khí tự nhiên.

D. quặng sắt.

Câu 11. Đại bộ phận (hơn 80%) lãnh thổ nước Nga nằm ở vành đai khí hậu

A. cận cực giá lạnh.

B. ôn đới.

C. ôn đới hải dương.

D. cận nhiệt đới.

Câu 12. Lãnh thổ nước Nga không có kiểu khí hậu

A. cận cực giá lạnh.

B. ôn đới hải dương.

C. ôn đới lục địa.

D. cận nhiệt.

Câu 13. Là một nước đông dân, năm 2005 dân số của LBN đứng

A. thứ 5 trên thế giới.

B. thứ 6 trên thế giới.

C. thứ 7 trên thế giới.

D. thứ 8 trên thế giới.

Câu 14. Nguyên nhân chủ yếu làm cho dân số của LBN giảm mạnh vào thập niên 90 của thế kỉ XX là

A. tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên âm.

B. tỉ suất sinh giảm nhanh hơn tỉ suất tử.

C. người Nga di cư ra nước ngoài nhiều.

D. tỉ suất sinh giảm chậm.

Câu 15. LBN là nước có tới trên 100 dân tộc trong đó dân tộc Nga chiếm

A. 60% dân số cả nước.

B. 78% dân số cả nước.

C. 80% dân số cả nước.

D. 87% dân số cả nước.

Câu 16. Vào cuối thập niên 80 của thế kỉ XX so với toàn Liên Xô, tỉ trọng các ngành công nghiệp của LBN chiếm trên 80% là

A. than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên.

B. dầu mỏ, khí tự nhiên, điện.

C. khí tự nhiên, điện, thép.

D. dầu mỏ, khí tự nhiên, gỗ, giấy và xenlulô.

Câu 17. Dân số thành thị của nước Nga sống chủ yếu ở các thành phố

A. lớn và các thành phố vệ tinh.

B. trung bình và các thành phố vệ tinh.

C. nhỏ và các thành phố vệ tinh.

D. nhỏ, trung bình và các thành phố vệ tinh.

Câu 18. Nhận xét đúng nhất về sự phân bố dân cư của nước Nga là

A. tập trung cao ở phía Bắc và phía Đông, thưa thớt ở phía Tây và Nam.

B. tập trung cao ở phía Bắc và phía Nam, thưa thớt ở phía Đông và Tây.

C. tập trung cao ở phía Tây và phía Nam, thưa thớt ở phía Đông và Bắc.

D. tập trung cao ở phía Tây và phía Đông, thưa thớt ở phía Bắc và Nam.

Câu 19. Dân cư nước Nga tập trung chủ yếu ở

A. vùng đồng bằng Đông Âu.

B. vùng đồng bằng Tây Xibia.

C. vùng Xibia.

D. vùng ven biển Thái Bình Dương.

Câu 20. Người dân Nga có trình độ học vấn khá cao, tỉ lệ biết chữ hiện nay là

A. 87%.

B. 88%.

C. 98%.

D. 99%.